

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2020

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Út Hậu

2. Ông Nguyễn Vĩnh Thạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lương Thị Đ**, sinh năm 1976. (*Có mặt*)

Địa chỉ: Số 110/28, khu vực 13, phường C, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Anh **Huỳnh Văn B**, sinh năm 1974. (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Số 110/28, khu vực 13, phường C, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2020 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Lương Thị Đ trình bày: Vào năm 1995, chị và anh Huỳnh Văn B sau thời gian quen biết tìm hiểu đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và

có đăng ký kết hôn vào ngày 08/12/2010 tại Ủy ban nhân dân phường C, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và bất hòa về tình cảm, anh B không có trách nhiệm với con và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, anh chị đã hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không có kết quả nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 03 năm 2019 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Anh chị có hai con tên Huỳnh Duy K (nam), sinh ngày 15/5/1996 và Huỳnh Kim N (nữ), sinh ngày 02/9/1999. Duy K và Kim N đã trưởng thành nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đối với bị đơn anh Huỳnh Văn B để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng anh B vắng mặt nhiều lần không có lý do. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được nên Tòa án chỉ tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 207 và Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Lương Thị Đ và anh Huỳnh Văn B tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn, chị Đ khởi kiện ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh B đã được tổng đạt, triệu tập hợp lệ nhiều lần. Tuy nhiên, anh B vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Chị Đ và anh B chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 1995, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Đ cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh B không quan tâm gia đình, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau làm rạn nứt tình cảm. Chị đã cố hàn gắn tình cảm nhưng anh B không sửa đổi nên anh chị đã ly thân từ tháng 03 năm 2019 đến nay, trong thời gian ly thân không ai quan tâm ai. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt, triệu tập anh B đúng trình tự luật định để tham gia tố tụng tại tòa và có ý kiến đối với hôn nhân của mình nhưng phía anh B nhiều lần vắng mặt không có lý do. Điều đó cho thấy anh B đã không còn thiết tha gì đến cuộc hôn nhân này, mâu thuẫn giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng và cho đến nay không có biện pháp khắc phục, mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Do vậy, yêu cầu ly hôn của chị Đ đối với anh B là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh chị có hai con tên Huỳnh Duy K (nam), sinh ngày 15/5/1996 và Huỳnh Kim N (nữ), sinh ngày 02/9/1999. Huỳnh Duy K và Huỳnh Kim N đã trưởng thành, có khả năng tự nuôi sống bản thân nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do anh B vắng mặt nên chưa xác định được phần tài sản chung và nợ chung của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết tài sản chung và nợ chung của chị Đ và anh B. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lương Thị Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Đ được ly hôn với anh Huỳnh Văn B.

- Về con chung: Huỳnh Duy K (nam), sinh ngày 15/5/1996 và Huỳnh Kim N (nữ), sinh ngày 02/9/1999 đã trưởng thành nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lương Thị Đ phải chịu số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), chuyển tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nộp theo biên lai thu số 010989 ngày 18/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô sang thành tiền án phí (công nhận chị Đ đã nộp xong).

- Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. Ô;
- Chi cục THADS Q. Ô;
- TAND TP. Cần Thơ;
- UBND phường L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Lê Thị Thúy Hằng

